

**CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ HÓA CHẤT VÀ MÔI TRƯỜNG TH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ HÓA CHẤT VÀ MÔI TRƯỜNG TH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TH MECHANICAL CHEMICAL AND ENVIRONMENTAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TH MCE CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110241199

**3. Ngày thành lập:** 03/02/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 2/99 đường Gia Thượng, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0383449434

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>-Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>-Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu<br>-Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>-Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>-Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659        |
| 2.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>-Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp;<br>-Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)<br>-Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh<br>-Bán buôn cao su<br>-Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt<br>-Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép                                                                                                                                                               | 4669(Chính) |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8299        |

|     |                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 4.  | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật<br>Chi tiết: Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường: ô nhiễm không khí và nước...;                                                                                                | 7120 |
| 5.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                                            | 7212 |
| 6.  | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn về môi trường;<br>- Tư vấn về công nghệ khác;<br>- Đánh giá tác động môi trường;<br>- Dịch vụ chuyển giao công nghệ | 7490 |
| 7.  | Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón                                                                                                                                                                         | 0891 |
| 8.  | Sản xuất hoá chất cơ bản                                                                                                                                                                                             | 2011 |
| 9.  | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ                                                                                                                                                                                  | 2012 |
| 10. | Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp                                                                                                                                              | 2021 |
| 11. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít                                                                                                                                       | 2022 |
| 12. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                               | 2023 |
| 13. | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                               | 2029 |
| 14. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                                                             | 2410 |
| 15. | Sản xuất kim loại quý và kim loại màu                                                                                                                                                                                | 2420 |
| 16. | Đúc sắt, thép                                                                                                                                                                                                        | 2431 |
| 17. | Đúc kim loại màu                                                                                                                                                                                                     | 2432 |
| 18. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                       | 2511 |
| 19. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                     | 2591 |
| 20. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                         | 2592 |
| 21. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                                                                                                                                          | 2593 |
| 22. | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                                                                                                                                                        | 2822 |
| 23. | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                                                                                                    | 3600 |
| 24. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                        | 3700 |
| 25. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                       | 3811 |
| 26. | Thu gom rác thải độc hại                                                                                                                                                                                             | 3812 |
| 27. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                                                                                                                             | 3821 |
| 28. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại                                                                                                                                                                                   | 3822 |
| 29. | Tái chế phế liệu                                                                                                                                                                                                     | 3830 |
| 30. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                                                                                                                                    | 3900 |

**6. Vốn điều lệ:** 88.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên    | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức   | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM XUÂN HƯƠNG   | Việt Nam  | Xóm 4, Trục Liêm, Xã Liêm Hải, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam  | 22.000.000            | 25,000    | 036094001538                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN THUY HƯƠNG | Việt Nam  | H4-0405/B8, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 66.000.000            | 75,000    | 030184012397                                                                                            |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: PHAM XUÂN HƯỞNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 27/10/1994

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036094001538

Ngày cấp: 02/07/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Xóm 4, Trục Liêm, Xã Liêm Hải, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Xóm 4, Trục Liêm, Xã Liêm Hải, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội